13. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH KINH TẾ

a) Các chuyên ngành (Specialization):

13.1. Kinh tế học, bao gồm: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Chính sách công, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Kinh tế các ngành và lĩnh vực, Phát triển nông thôn, Hệ thống nông nghiệp;

13.2. Kinh doanh, bao gồm: Kinh doanh; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh thương mại; Marketing; Thương mại; Quản trị nhân lực, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh các ngành và lĩnh vực;

13.3. Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, bao gồm: Tài chính – Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Tài chính quốc tế; Thị trường và các định chế tài chính;

13.4. Kế toán – Kiểm toán, bao gồm: Kế toán, Kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán đơn vị sự nghiệp, Kế toán công;

13.5. Quản trị – Quản lý, bao gồm: Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Logistics và chuỗi cung ứng.

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI (ISI) có IF≥ 2 và A&HCI (ISI)	**0 – 3,0**
				SCI, SCIE, SSCI (ISI) có IF<2 và Scopus (Q1)	**0 – 2,0**
				ESCI (ISI) và Scopus (Q2, Q3, Q4)	**0 – 1,5**
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (ACI, …)		Tạp chí	ACI	**0 – 1,25**
				Khác (do HĐGS ngành đánh giá và quyết định)	**0 – 1,0**
3	Các tạp chí khoa học thuộc nhóm chuyên ngành Kinh tế		Tạp chí	Thuộc Top 500 trường ĐH hàng đầu thế giới do Times Higher Education (THE) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn, xếp hạng hàng năm	**0 – 1,0**
4	Báo cáo khoa học viết bằng tiếng Anh tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.	**0 – 1,0**
5	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	**0 – 0,5**

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
6	Các tạp chí khoa học về chủ đề Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị và Quản lý			Không thuộc danh mục ISSI/Scopus, nhưng được xuất bản bởi các nhà xuất bản: Springer, Elsevier, Wley-Blackwell, Taylor&Francis, Sage, Oxford University Press, Cambridge University Press, Emerald, Macmillan Publishers, Edward Elgar Publishing, De Gruyter, World Scientific, Routledge, Peter Lang, Thomson Reuters, McGraw Hill.	**0 – 1,0**
7	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học Kinh tế, quản lý và Kinh doanh		Tạp chí	ĐH Quốc gia TP. HCM; ĐH Đà Nẵng; ĐH Huế	**0 – 0,5**
8	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 0,5 **0 – 1,0** từ 2022
9	Công thương (tên cũ: Công nghiệp) (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7756 (0868-3778)	Tạp chí	Bộ Công thương	**0 – 0,5**
10	Thương mại (hợp nhất với Công nghiệp thành tạp chí Công thương) (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7853	Tạp chí	Bộ Công thương	**0 – 0,5**
11	Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội (đã đình bản)	1859-0764	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	**0 – 0,25** từ 2013 đến 2020
12	Hoạt động Khoa học (tiền thân của Khoa học và Công nghệ Việt Nam) (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7152	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	**0 – 0,5**
13	Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B (tên cũ: Hoạt động Khoa học) (chỉ tính bài kinh tế)	p-1859-4794 e-2615-9759	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2015 0 – 0,5 từ 2020 **0 – 0,75** từ 2022
	Vietnam Journal of Science and Technology - MOST, Series B (chỉ tính bài kinh tế)				**0 – 0,75** từ 2022
14	Khoa học và Công nghệ, Bản D (VMOST Journal of Social Sciences and Humanities) (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9748	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2022 **0 – 0,5** từ 2023

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
15	Kinh tế và Dự báo	p-1859-4972 e-2734-9365 (0866-7120)	Tạp chí	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2023
16	Lao động xã hội (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7643	Tạp chí	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	**0 – 0,5**
17	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tên cũ: Khoa học Kinh tế Nông nghiệp; Nông nghiệp và Công nghiệp; Kinh tế Nông nghiệp) (chỉ tính bài kinh tế)	1859-4581 (0866-7020)	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**0 – 0,5**
18	Thanh tra Tài chính (đã đình bản)	2354-0885	Tạp chí	Bộ Tài chính	**0 – 0,25** từ 2015 đến 2020
19	Tài chính	2615-8973	Tạp chí	Bộ Tài chính	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2022
	Review of Finance	2615-8981			0 – 0,5 từ 2019 **0 – 0,75** từ 2022
20	Tổ chức nhà nước (chỉ tính bài kinh tế)	2588-137X	Tạp chí	Bộ Nội vụ	**0 – 0,25** từ 2020
21	Ngân hàng – Viet Nam Banking Review (tên cũ: Thông tin KH Ngân hàng) (chỉ tính bài kinh tế)	2815-6048 e-2815-6056 (0866-7462)	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	**0 – 0,5**
22	Kiểm toán (chuyển thành báo từ tháng 4/2012)	0868-3227	Tạp chí	Kiểm toán Nhà nước	**0 – 0,5** trước tháng 4/2012
23	Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán	1859-1671	Tạp chí	Kiểm toán Nhà nước	0 – 0,25 từ 2016 **0 – 0,5** từ 2022
24	Quản lý Ngân quỹ quốc gia	1859-4999	Tạp chí	Kho Bạc Nhà nước	**0 – 0,5**
25	Du lịch Việt Nam (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7373	Tạp chí	Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	**0 – 0,5**
26	Con số và Sự kiện (tên cũ: Thống kê) (chỉ tính bài kinh tế)	p-2734-9136 e-2734-9144 (0866-7322)	Tạp chí	Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	**0 – 0,5**
27	Thuế Nhà nước	1859-0756	Tạp chí	Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính	**0 – 0,5**
28	Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (từ 2017) Tên cũ: Phát triển kinh tế	p-2615-9104 Cũ: 1859-1124	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	**0 – 1,0**

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
	Journal of Asian Business and Economic Studies (từ 2017) Tên cũ: Journal of Economic Development	e-2515-964X p-2615-9112 Cũ: 1859-1116			0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2018 0 – 1,5 từ 2022 (SCOPUS) **0 – 2,0** từ 2023 (SCOPUS Q1)
29	Kinh tế và phát triển	1859-0012	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	**0 – 1,0**
	Journal of Economics and Development (ACI từ 2016)	p-1859-0020 e-2632-5330			0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2017 **0 – 1,5** từ 2023 (SCOPUS)
30	Quản lý và Kinh tế quốc tế (từ 2020) Tên cũ: Kinh tế đối ngoại	2615-9848 (1859-4050)	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại thương	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2017 **0 – 1,0** từ 2024
	Journal of International Economics and Management Tên cũ: External Economics Review	2615-9856 (1859-4050)			0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2017 **0 – 1,0** từ 2021
31	Khoa học & công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7896	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	0 – 0,25 từ 2015 **0 – 0,5** từ 2020
32	Khoa học (chỉ tính bài Kinh tế)	1859-2333 2815-5599	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,5 từ 2016 **0 - 0,75** từ 2022
	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development Tên cũ: Can Tho University Journal of Science (chỉ tính bài kinh tế)	2588-1418 2815-6412			0 - 0,25 từ 2022 **0 - 0,75** từ 2024
33	Khoa học giao thông vận tải (chỉ tính bài kinh tế)	V-1859-2724 E-2615-9554	Tạp chí	Trường Đại học Giao thông vận tải	0-0,25 từ 2020 **0-0,5** từ 2024
34	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	1859-2759-V 2588-1523-E	Tạp chí	Trường Đại học Hồng Đức	**0 – 0,**25 từ 2021
35	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	0866-8051	Tạp chí	Trường Đại học Mở Hà Nội	**0 – 0,25** từ 2020
36	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9306 e-2734-9578	Tạp chí	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020 **0 – 1,0** từ 2023

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
	Ho Chi Minh City Open University Journal of Science - Economics and Business Administration	p-2734-9314 e-2734-9586	Tạp chí ACI	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	0 – 0,75 từ 2022 **0 – 1,25** từ 2023
37	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	2615-9686	Tạp chí	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	**0 – 0,25** từ 2021
38	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	2354-1091	Tạp chí	Trường Đại học Tây Bắc	**0 – 0,25** từ 2021
39	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	1859-4611	Tạp chí	Trường Đại học Tây Nguyên	**0 – 0,25** từ 2019
40	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	1859-4816	Tạp chí	Trường Đại học Trà Vinh	0 – 0,25 từ 2017 **0 - 0,5** từ 2024
41	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	2525-2429	Tạp chí	Trường Đại học Văn Lang	**0 – 0,25** từ 2021
42	Khoa học công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	1859-3968	Tạp chí	Trường Đại học Hùng Vương	0 – 0,25 từ 2019 0 – 0,5 từ 2021 **0 - 0,75** từ 2024
43	Khoa học - Dalat University Journal of Science (chỉ tính bài chuyên san Economics and Management)	0866-787X	Tạp chí ACI	Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2022 0 – 1,0 từ 2023 **0 – 1,25** từ 2024
44	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	1859-2368	Tạp chí	Trường Đại học Hải Phòng	**0 – 0,25** từ 2017
45	Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển	p-2588-1205 e-2615-9716 (1859-1388)	Tạp chí	Đại học Huế	**0 – 0,5** từ 2016
46	Khoa học Đại học Huế: Xã hội và Nhân văn (chỉ tính bài kinh tế)	p-2588-1213 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	**0 – 0,25** từ 2020
47	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một (chỉ tính bài kinh tế)	1859-4433 e-2615-9635	Tạp chí	Trường Đại học Thủ Dầu Một	**0 – 0,25** từ 2017
48	Khoa học Đại học Văn Hiến (chỉ tính bài kinh tế)	1859-2961	Tạp chí	Trường Đại học Văn Hiến	0 – 0,25 từ 2017 **0 – 0,5** từ 2021
49	Kinh tế và Kinh doanh (Cũ: Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh thuộc Khoa học ĐHQGHN)	p-2734-9845 (2615-9287, 0866-8612) e-2734-9861 (2588-1108)	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,75 từ 2020 **0 – 1,0** từ 2023
	VNU Journal of Economics and Business	2815-5858-E e-2734-9861 (2588-1108)			0 – 0,5 từ 2022 **0 – 1,0** từ 2023

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
50	Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu chính sách và quản lý (chỉ tính bài kinh tế)	p-2615-9295 e-2588-1116 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	**0 – 0,5** từ 2020
51	Khoa học Kinh tế	0866-7969	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5 từ 2015 **0 – 0,75** từ 2023
52	Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất (chỉ tính bài kinh tế)	1859-1469	Tạp chí	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	**0 – 0,25** từ 2020
53	Khoa học Quản lý và Kinh tế	2354-1350	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2020 **0 – 0,75** từ 2024
54	Khoa học Quốc tế AGU tên cũ: Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	0866-8086	Tạp chí	Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	**0 – 0,25** từ 2017
55	Khoa học Tài chính Kế toán	2354-0958	Tạp chí	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	**0 – 0,25** từ 2021
56	Khoa học Thương mại Journal of Trade Science	p-1859-3666 e-2815-5726 p-2815-5793 e-2755-3957	Tạp chí	Trường Đại học Thương mại	0 – 0,5 0 - 0,75 từ 2013 **0 – 1,0** từ 2017
57	Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	**0 – 0,75** từ 2017
58	Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	p-1859-3585 e-2615-9619	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	0 – 0,5 từ 2013 **0 – 0,75** từ 2024
59	Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	2525-2267 1859-3712	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	**0 – 0,5**
60	Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	2615-9031	Tạp chí	Trường Đại học Đông Đô	**0 – 0,25** từ 2019
61	Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân (chỉ tính bài kinh tế)	1859-4905	Tạp chí	Trường Đại học Duy Tân	**0 – 0,25** từ 2020
62	Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp (chỉ tính bài kinh tế)	1859-3828	Tạp chí	Trường Đại học Lâm nghiệp	0 – 0,25 từ 2013 **0 - 0,5** từ 2022
	Journal of Forestry Science and Technology	2615-9368			**0 – 0,5** từ 2022
63	Khoa học Yersin (chỉ tính bài kinh tế)	2525-2372	Tạp chí	Trường Đại học Yersin Đà Lạt	**0 – 0,25** từ 2020
64	Kinh doanh và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	2615-9414	Tạp chí	Trường ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	**0 – 0,25** từ 2021
65	Kinh tế Kỹ thuật (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7802	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	**0 – 0,25** từ 2015

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
66	Kinh tế và Ngân hàng châu Á Tên cũ trước 2019: Công nghệ Ngân hàng (chỉ tính đối với các bài nghiên cứu khoa học)	2615-9813 (1859-3682)	Tạp chí	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2022
	Asian Journal of Economics and Banking Tên cũ: Banking Technology Review	p-2615-9821 e-2633-7991			
67	Kinh tế và Quản trị kinh doanh	2525-2569	Tạp chí	Trường Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên	0 – 0,25 từ 2019 **0 – 0,5** từ 2020
68	Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế (chỉ tính bài kinh tế)	2588-1221	Tạp chí	Trường Đại học Tây Đô	**0 – 0,25** từ 2021
69	Nghiên cứu Tài chính – Marketing	1859-3690	Tạp chí	Trường Đại học Tài chính – Marketing	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2021 **0 – 0,75** từ 2024
70	Phát triển Khoa học Công nghệ: Chuyên san Kinh tế - Luật và Quản lý (chỉ tính bài kinh tế)	2588-1051	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2020
71	Phát triển và Hội nhập	1859-428X	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế – Tài chính TP HCM	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2024
72	Nguồn nhân lực và An sinh xã hội (chỉ tính bài kinh tế)	2815-5610	Tạp chí	Trường Đại học Lao động Xã hội	0 – 0,25 từ 2022 **0 – 0,5** từ 2024
73	Khoa học Quản lý và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	2525-2348	Tạp chí	Trường ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu nghị	0 – 0,25 từ 2022 **0 – 0,5** từ 2024
74	Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	1859-4336	Tạp chí	Trường Đại học Bình Dương	0 – 0,25 từ 2022 **0 – 0,5** từ 2024
75	Khoa học Nông nghiệp và Phát triển (chỉ tính bài kinh tế)	2815-5866	Tạp chí	Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang	**0 – 0,25** từ 2022
76	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	1859-0357	Tạp chí	Trường ĐH Quy Nhơn	0 – 0,25 từ 2022 **0 – 0,5** từ 2024
77	Khoa học Công nghệ và Thực phẩm (chỉ tính bài kinh tế)	0866-8132	Tạp chí	Trường Đại học Công thương TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2022 **0 – 0,5** từ 2024
78	Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (Cũ: Khoa học và Phát triển, Khoa học kỹ thuật nông nghiệp VN) (chỉ tính bài kinh tế)	1859-0004-V 2588-1299-E	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 – 0,5 từ 2016 **0 – 0,75** từ 2017
79	Giáo dục lý luận (chỉ tính bài kinh tế)	0868-3492	Tạp chí	Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,25 từ 2015 **0 – 0,5** từ 2024

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
80	Khoa học Chính trị (chỉ tính bài kinh tế)	1859-0187	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM (Phân viện TPHCM)	**0 – 0,5**
81	Lý luận Chính trị (chỉ tính bài kinh tế)	p-2525-2585 e-2525-2607 2525-2593-E (0868-2771)	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,5 từ 2015 **0 – 0,75** từ 2023
82	Thông tin khoa học chính trị (chỉ tính bài kinh tế)	2354-1474	Tạp chí	Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị Quốc gia HCM	**0 – 0,25** từ 2021
83	Nghiên cứu Tài chính – Kế toán	1859-4093	Tạp chí	Học viện Tài chính	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020 **0 – 1,0** từ 2023
84	Journal of Finance and Accounting Research	2588-1493	Tạp chí	Học viện Tài chính	0 – 0,5 từ 2019 0 – 0,75 từ 2020 **0 – 1,0** từ 2023
85	Kinh tế, Luật và Ngân hang Tên cũ: Khoa học & Đào tạo Ngân hàng	1859-011X	Tạp chí	Học viện Ngân hàng	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2021 **0 – 1,0** từ 2023
86	Journal of Economic and Banking Studies (JEBS)	2734- 9853	Tạp chí	Học viện Ngân hàng	**0 – 0,5** từ 2023
87	Kinh tế và Quản lý	1859-4565	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2013 **0 – 0,5** từ 2016
88	Nghiên cứu Dân tộc (chỉ tính bài kinh tế)	0866-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	**0 – 0,25** từ 2020
89	Nghiên cứu quốc tế (chỉ tính bài kinh tế)	1859-0608	Tạp chí	Học viện Ngoại giao	**0 – 0,5**
90	Quản lý Nhà nước (chỉ tính bài kinh tế)	2354-0761 (0868-2828) e-2815-5831	Tạp chí	Học viện Hành chính Quốc gia	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2022
	State Management Review (chỉ tính bài kinh tế)	2815-6021			**0 – 0,25** từ 2022
91	Khoa học (chỉ tính bài kinh tế)	2615-9007	Tạp chí	Học viện Phụ nữ Việt Nam	0 – 0,25 từ 2022 **0 – 0,5** từ 2024
92	Châu Mỹ ngày nay (chỉ tính bài kinh tế)	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	**0 – 0,5**
93	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông (chỉ tính bài kinh tế)	1859-0519	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	**0 – 0,5**
94	Nghiên cứu địa lý nhân văn (chỉ tính bài kinh tế)	2354-0648	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	**0 – 0,25** từ 2021
95	Nghiên cứu Đông Bắc Á Ttên cũ: NC Nhật Bản; NC Nhật Bản và Đông Bắc Á (chỉ tính bài kinh tế)	2354-077X (0868-3646)	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	**0 – 0,5**

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
96	Nghiên cứu Gia đình và Giới (chỉ tính bài kinh tế)	1859-1361-V 1859-1329-E	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	**0 – 0,25** từ 2021
97	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế Thế giới)	0868-2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	**0 – 1,0**
	Vietnam Economic Review				**0 – 0,5**
98	Vietnam's Socio – Economic Development	0868-359X	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	**0 – 0,5**
99	Khoa học Xã hội Việt Nam (chỉ tính bài kinh tế)	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	**0 – 0,5** từ 2016
100	Khoa học Xã hội miền Trung (chỉ tính bài kinh tế)	1859-2635	Tạp chí	Viện KH Xã hội vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2020 **0 – 0,75** từ 2023
101	Nghiên cứu Đông Nam Á (chỉ tính bài kinh tế)	0868-2739	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	**0 – 0,5**
102	Nghiên cứu kinh tế	0545-8986 (0866-7489)	Tạp chí	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	**0 – 1,0**
103	Nhân lực Khoa học xã hội (chỉ tính bài kinh tế)	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	**0 – 0,25** từ 2015
104	Phát triển bền vững vùng (chỉ tính bài kinh tế)	2354-0729	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững vùng, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2016 **0 – 0,75** từ 2020
105	Thông tin Khoa học xã hội (chỉ tính bài kinh tế)	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2019 **0 – 0,5** từ 2022
106	Khoa học xã hội (TP Hồ Chí Minh) (chỉ tính bài kinh tế)	1859-0136	Tạp chí	Viện KHXH vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	**0 – 0,25** từ 2020
107	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7314	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	**0 – 0,5** từ 2016
108	Nghiên cứu Châu Âu (chỉ tính bài kinh tế)	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	**0 – 0,5**
109	Nghiên cứu Trung Quốc (chỉ tính bài kinh tế)	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	**0 – 0,5**
110	Quản lý Kinh tế (đình bản từ 31/12/2018)	1859-039X	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	**0 – 0,5** trước 2019

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
111	Phát triển khoa học và công nghệ (Chỉ tính bài kinh tế)	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0-0,5 **0-0,75** từ 2024
112	Kinh tế tài chính Việt Nam	2354-127X	Tạp chí	Viện Chiến lược và chính sách tài chính, Bộ Tài chính	**0 – 0,25** từ 2019 **0 – 0,5** từ 2022
113	Nghiên cứu Công nghiệp và Thương mại	p-0866-7853 e-2734-9799	Tạp chí	Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công thương, Bộ Công thương	**0 – 0,25** từ 2022
114	Chính trị và Phát triển (chỉ tính bài kinh tế)	1859-2457	Tạp chí	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật	**0 – 0,25** từ 2022
115	Bảo hiểm xã hội	1859-2562	Tạp chí	Bảo hiểm XH Việt Nam	**0 – 0,5**
116	Thị trường Tài chính tiền tệ	1859-2805	Tạp chí	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	**0 – 0,5**
117	Kế toán và Kiểm toán (Tên cũ: Kế toán)	p-2815-6129 e-2815-6137 (1859-1914)	Tạp chí	Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam	**0 – 0,5**
118	Tài chính Doanh nghiệp	1859-3887	Tạp chí	Hội tư vấn Thuế Việt Nam	0 – 0,25 từ 2019 **0 – 0,5** từ 2023
119	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	0868-3808	Tạp chí	Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương	**0 – 0,5**
120	Khoa học Đại học Đại Nam (chỉ tính bài kinh tế)	2815-5580	Tạp chí	Trường Đại học Đại Nam	0-0,25 từ 2023
121	Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ (chỉ tính bài kinh tế)	P. 2859-4190 E. 2815-553X	Tạp chí	Trường Đại học Sao Đỏ	**0-0,25** từ 2023
122	Khoa học và Kinh tế phát triển (chỉ tính bài kinh tế)	2588-1272	Tạp chí	Trường Đại học Nam Cần Thơ	**0 – 0,25 từ 2023**
123	Khoa học Đại học Đồng Tháp (chỉ tính bài kinh tế)	0866-7675	Tạp chí	Trường Đại học Đồng Tháp	**0 – 0,25** từ 2023
124	Khoa học trường Đại học Vinh (Khoa học Xã hội và Nhân văn) (chỉ tính bài kinh tế)	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	**0 – 0,25** từ 2023
125	Khoa học Công nghệ thông tin và truyền thông (Chỉ tính bài kinh tế)	2525-2224	Tạp chí	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	**0 – 0,25** từ 2023
126	Khoa học Đại học Cửu Long (chỉ tính bài kinh tế)	2354-1423	Tạp chí	Trường Đại học Cửu Long	**0 – 0,25** từ 2023
127	Tài chính_Quản trị Kinh doanh	2525-2305	Tạp chí	Trường Đại học Tài chính Quản trị Kinh doanh	**0 – 0,25** từ 2023
128	Khoa học và công nghệ Trường ĐH Hòa Bình (Chỉ tính bài kinh tế)	2734-9896	Tạp chí	Trường Đại học Hòa Bình	**0 – 0,25** từ 2023

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
129	Chính sách và quản lý khoa học và công nghệ (chỉ tính bài kinh tế	1859-3801	Tạp chí	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	**0 – 0,25** từ 2024
130	Điện tử khoa học và công nghệ giao thông (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9942	Tạp chí	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	**0 – 0,25** từ 2024
	Journal of Science and Transport Technology (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9950	Tạp chí	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	**0 – 0,25** từ 2024
131	Khoa học Đại học Đồng Nai (chỉ tính bài kinh tế)	2354-1482	Tạp chí	Trường Đại học Đồng Nai	**0 – 0,25** từ 2024
132	Khoa học Đại học Hạ Long (chỉ tính bài kinh tế)	2815-5521	Tạp chí	Trường Đại học Hạ Long	**0 – 0,25** từ 2024
133	Tạp chí khoa học Lạc Hồng (chỉ tính bài kinh tế)	2525-2186	Tạp chí	Trường Đại học Lạc Hồng	**0 – 0,25** từ 2024
134	Khoa học tài chính - ngân hàng (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9543	Tạp chí	Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội	**0 – 0,25** từ 2024
135	Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9500	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đông	**0 – 0,25** từ 2024
136	Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	2615-9015	Tạp chí	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	**0 – 0,25** từ 2024
137	Nghiên cứu khoa học và phát triển (chỉ tính các bài kinh tế)	2815-570X	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đô	**0 – 0,25** từ 2024

c) Danh mục nhà xuất bản có uy tín trên thế giới:

Springer, Elsevier; Wiley-Blackwell; Taylor & Francis; Sage; Oxford University Press; Cambridge University Press; Emerald; Macmillan Publishers; Inderscience Publishers; Edward Elgar Publishing; De Gruyter; World Scientific; Routledge; Peter Lang; Thomson Reuters; McGraw Hill;

Các Nhà xuất bản của top 100 các trường Đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm.